

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án thành phần: “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Đại học Lâm nghiệp” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 62/QH14 ngày 17/6 /2020; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định số 3096/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 và số 3082/QĐ-BNN-KH ngày 15/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại Tờ trình số 439/TT-KHLN-KH ngày 22/08/2022 và Trường Đại học Lâm nghiệp Tờ trình số 669/TTr-ĐHLN-QLĐT ngày 08/11/2022 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại trường Đại học Lâm nghiệp” Thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2125/BC-TCLN-KHTC ngày 15/12/2022) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần (DATP) “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại trường Đại học Lâm nghiệp” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng” với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: dự án thành phần “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Đại học Lâm nghiệp” thuộc dự án “Trồng, bảo vệ và phát triển rừng”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Cấp công trình: Cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Đơn vị được giao chuẩn bị dự án: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng): Trường Đại học Lâm nghiệp.

6. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng phát triển nông thôn, Công ty TNHH GCF Việt Nam, Công ty cổ phần Quang Minh Phát- Gia Lai.

Chủ nhiệm dự án: Kiến trúc sư Nguyễn Tiến Đạt.

7. Mục tiêu đầu tư: Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững 915 ha rừng do Trường Đại học Lâm nghiệp được giao quản lý, nâng cao độ che phủ của rừng, cải thiện môi trường sinh thái, sưu tập, bảo tồn nguồn gen thực vật của Việt Nam và lưu giữ nguồn nước.

8. Địa điểm đầu tư: Thành phố Hà Nội và huyện Mang Yang tỉnh Gia Lai.

9. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

a) Quy mô, nội dung đầu tư:

- Trồng mới 30 ha và trồng bổ sung 10,2 ha rừng các loài cây bản địa (bao gồm cả xây dựng vườn thực vật rừng);

- Cải tạo, nâng cấp 11,5 km đường quản lý, bảo vệ rừng;

- Xây dựng hàng rào bảo vệ rừng;

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

b) Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

* Trồng mới 30 ha và trồng bổ sung 10,2 ha rừng các loài cây bản địa (bao gồm cả xây dựng vườn thực vật rừng):

- Trồng mới 30ha các loại cây bản địa tại Trung tâm thực nghiệm Mang

Yang (xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai) thuộc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại Tỉnh Gia Lai. Trồng các loại cây: Thông ba lá và Tẻch.

- Trồng bổ sung 10,2ha các loại cây bản địa (bao gồm cả xây dựng vườn thực vật) tại khu rừng nghiên cứu thực nghiệm, khoa học Núi Luốt Trường Đại học Lâm nghiệp. Trồng các loại cây: Bản xe, Cẩm xe, Phân mã, Mán đĩa, Mán đĩa trâu, Muồng ràng ràng, Bọ cạp nước, Gõ đỏ, Gụ lau, Gụ mật, Lim xanh, Lim xẹt, Vàng anh, Xoay, Cọ khẹt, Cẩm lai, Giáng hương, Giáng hương ần, Ràng ràng mít, Ràng ràng xanh, Sưa và Trắc.

* Cải tạo, nâng cấp 11,5km đường quản lý, bảo vệ rừng (bao gồm các tuyến đường tại khu vực Núi Luốt, Trường Đại học Lâm nghiệp và các tuyến đường tại Trung tâm thực nghiệm Mang Yang):

- Các tuyến đường tại khu rừng thực nghiệm Núi Luốt Trường Đại học Lâm nghiệp (tổng chiều dài là 4.057m, gồm 02: Tuyến 1 dài $L=2.776\text{m}$; Tuyến 2 dài $L=1.281\text{m}$).

+ Phương án tuyến: bám hoàn toàn theo nền đường hiện trạng, nhằm tận dụng tối đa nền đường và một số công trình thoát nước hiện có còn sử dụng được.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp B.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h.

+ Nền đường: $B_{\text{nền}}=6,0\text{m}$, đào, đắp bổ sung gia cố đạt tiêu chuẩn thiết kế độ đầm chặt $K\geq 0,95$; lớp đất dưới đáy áo đường $K\geq 0,98$;

+ Mặt đường: $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$, độ dốc ngang 2 mái là 2%, dốc siêu cao $i_{sc}\%$ trong phạm vi đường cong nằm có siêu cao. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa asphalt hạt mịn dày 5cm, móng cấp phối đá dăm;

+ Lê đường: $B_{\text{lê}}=2\times 1,25\text{m}$, lê không gia cố, độ dốc $i_{\text{lê}}=4\%$, độ đầm chặt $K\geq 0,95$.

+ Rãnh dọc: Tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

+ Lắp đặt các biển báo an toàn giao thông tại các vị trí đường giao, đường cong.

+ Công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế $P=10\%$.

- Các tuyến đường chiều rộng mặt đường 3,5m tại Trung tâm thực nghiệm Mang Yang (chiều dài 4.934m, gồm 4 tuyến: tuyến 1 $L=4.015,31\text{m}$; tuyến 2 $L=288,29\text{m}$; tuyến 3 $L=305,26\text{m}$; tuyến 4 $L=325,0\text{m}$;

+ Phương án tuyến: Cơ bản bám theo đường cũ, điều chỉnh nâng cao độ đường do một số đoạn để giảm khối lượng đào nền; đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp B.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h.

+ Nền đường: $B_{\text{nền}}=5,0\text{m}$; đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt $K\geq 0,95$; lớp đất dưới đáy áo đường $K\geq 0,98$.

+ Mặt đường: $B_{mặt}=3,5m$, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng cấp phối đá dăm loại.

+ Lề đường: $Blề= 2 \times 0,75m$, lề không gia cố, độ dốc $Ilề=4\%$, độ đầm chặt $K \geq 0,95$.

+ Rãnh dọc: Tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

+ Công trình thoát nước: bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế $P=10\%$.

- Các tuyến đường mặt đường rộng 1,5m tại Trung tâm thực nghiệm Mang Yang (tổng chiều dài 2.244m, gồm 4 tuyến: Tuyến 5 $L=575,0m$; Tuyến 6 $L= 549,06m$; Tuyến 7 $L= 699,27m$; Tuyến 8 $L= 420,31m$).

+ Phương án tuyến: Cơ bản bám theo đường cũ, có điều chỉnh nâng cao độ đường do một số đoạn để giảm khối lượng đào nền; độ dốc dọc lớn nhất $I_{max} \leq 15\%$.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp D.

+ Nền đường: $B_{nền}=3,5m$; đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt $K \geq 0,95$;

+ Mặt đường: $B_{mặt}=1,5m$, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M200 dày 12cm, móng cấp phối đá dăm.

+ Lề đường: $Blề= 2 \times 1,0m$, lề không gia cố, độ dốc $Ilề=4\%$, độ đầm chặt $K \geq 0,95$.

+ Rãnh dọc: Tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

* Xây dựng hàng rào bảo vệ rừng (tại Trung tâm thực nghiệm Mang Yang - Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại Gia Lai).

- Hàng rào trụ BTCT, cao 2,1m (tính từ mặt đất), khoảng cách giữa 2 trụ bê tông là 3m. Tường xây gạch BTKN, trát ngoài vữa xi măng, trên lắp khung lưới B40.

- Cổng: Trụ cổng bên trong bằng BTCT, bên ngoài xây gạch BTKN vữa XM bao quanh. Trát ngoài vữa XM, sơn hoàn thiện 3 nước. Cửa 2 cánh, bằng thép hộp. Sơn chống rỉ màu lá cây sẫm.

* Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:

- Máy định vị vệ tinh cầm tay: 10 bộ;

- Flycam theo dõi, giám sát quản lý rừng: 02 bộ;

- Máy bơm chữa cháy chạy xăng: 02 chiếc.

(Chi tiết thiết bị tại Phụ lục II đính kèm)

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế: 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, QCVN 01: 2008/BCT về an toàn điện;

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu;

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư

a) Tổng mức đầu tư DATP lập theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn, đơn giá xây dựng công trình, giá vật tư, vật liệu, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công theo công bố giá tháng quý II/2022 của tỉnh Gia Lai và công bố giá tháng quý II/2022 của TP. Hà Nội và mặt bằng giá thị trường khu vực tại thời điểm trình tổng mức đầu tư.

b) Tổng mức đầu tư được duyệt: 40.00.000.000 đồng.
(*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng*).

Trong đó.

- Chi phí xây dựng:	23.857.233.000	đồng
- Chi phí trồng rừng:	6.470.400.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	930.000.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	860.317.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	2.267.882.000	đồng
- Chi phí khác:	464.576.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	5.149.592.000	đồng

(*Chi tiết tại phụ lục I kèm theo*)

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

15. Tiến độ thực hiện dự án: 3 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

a) Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đơn vị được giao chuẩn bị dự án):

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ toàn dự án:

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ, trình quyết toán các chi phí chuẩn bị dự án theo quy định;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Chủ đầu tư DATP có liên quan;

- Hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến thẩm định tại báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định.

b) Trường Đại học Lâm nghiệp (Chủ đầu tư DATP từ giai đoạn thực hiện đến kết thúc dự án):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư DATP theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện DATP theo nội dung Quyết định phê duyệt dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Tổng cục Lâm nghiệp) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế trồng rừng trình Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý các ý kiến thẩm định nêu trong báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt các thiết bị phục quản lý, bảo vệ rừng theo quy định;

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định (nếu cần);

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện DATP và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt;

d) Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán hoàn thành DATP;

e) Tổng cục Lâm nghiệp: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án và DATP; thẩm định, trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp;

f) Cục Quản lý xây dựng công trình: phối hợp trong quá trình thực hiện dự án khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Quốc Trị;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án thành phần: Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Đại học Lâm nghiệp
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	40.000.000.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	23.857.233.000
1	Cải tạo, nâng cấp 11,5 km đường quản lý, bảo vệ rừng	21.700.407.000
-	<i>Cải tạo, nâng cấp đường quản lý, bảo vệ rừng (tại Núi Luót, Xuân Mai, Hà Nội)</i>	<i>7.970.101.000</i>
-	<i>Cải tạo, nâng cấp đường quản lý, bảo vệ rừng (tại TT thực nghiệm Mang Yang, Gia Lai)</i>	<i>13.730.306.000</i>
2	Xây dựng hàng rào bảo vệ rừng (tại TT thực nghiệm Mang Yang, Gia Lai)	2.156.826.000
II	CHI PHÍ TRỒNG RỪNG	6.470.400.000
1	Trồng mới 30 ha và trồng bổ sung 10,2 ha rừng các loài cây bản địa (bao gồm cả xây dựng vườn thực vật rừng)	6.470.400.359
-	<i>Trồng rừng 30 ha rừng các loài cây bản địa (tại Trung tâm thực nghiệm Mang Yang)</i>	<i>2.983.089.980</i>
-	<i>Trồng rừng 10,2 ha rừng các loài cây bản địa (bao gồm cả xây dựng vườn thực vật rừng) tại Núi Luót, Xuân Mai, Hà Nội.</i>	<i>3.487.310.379</i>
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	930.000.000
1	Máy định vị GPS cầm tay	30.000.000
2	Flycam theo dõi, giám sát rừng	140.000.000
3	Máy bơm chữa cháy chạy xăng	760.000.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	860.317.000
1	QLDA giai đoạn chuẩn bị dự án	19.010.000
2	QLDA giai đoạn thực hiện đầu tư	841.307.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	2.267.882.000
	<i>Giai đoạn chuẩn bị dự án</i>	<i>619.133.000</i>
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập BCNCKT	391.235.000
2	Chi phí giám sát khảo sát bước lập BCNCKT	15.684.798
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	196.226.000
4	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	3.775.000
5	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	12.212.000
	<i>Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng</i>	<i>1.648.749.000</i>
1	Chi phí lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn QLDA và TKBVTC	14.126.859
2	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế BVTC	288.563.000
3	Chi phí giám sát khảo sát bước TKBVTC	11.750.000
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình	601.362.687

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
-	<i>Thiết kế BVTC các hạng mục công trình QLBR</i>	<i>517.505.487</i>
-	<i>Thiết kế hạng mục trồng rừng</i>	<i>83.857.200</i>
5	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	80.518.579
6	Chi phí lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị	3.413.100
7	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu	14.128.617
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn QLDA và TKBVTC</i>	<i>1.100.000</i>
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng</i>	<i>11.928.617</i>
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị</i>	<i>1.100.000</i>
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	543.894.165
9	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	7.849.200
10	Thẩm tra TKBVTC	39.873.082
11	Thẩm tra Dự toán	38.619.770
12	Thẩm định giá thiết bị	4.650.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	464.576.000
1	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	4.154.545
2	Chi phí Kiểm toán	182.380.785
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	113.181.818
4	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	33.506.000
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	32.463.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	98.889.848
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	5.149.592.000

Phụ lục II
DANH MỤC THIẾT BỊ
Dự án thành phần: Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Đại học
Lâm nghiệp
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Máy định vị vệ tinh GPS cầm tay (Dung lượng bộ nhớ trong 4.0 GB, Bộ nhớ điểm 4000 điểm)	bộ	2
2	Flycam theo dõi, giám sát rừng (trần bay tối đa 6.000 m, khoảng cách bay tối đa 30 Km, lưu trữ nội bộ 8 GB)	bộ	2
3	Máy bơm chữa cháy động cơ xăng (Công suất: 30 KW /40HP, lưu lượng: 1.550l/p - 1.300l/p - 950l/, cột áp: 60mcn - 80mcn-100mcn)	Chiếc	2